

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT 1989—1990

ĐẶNG HỮU

TRONG hai năm 1989—1990, khoa học và kỹ thuật phải đổi mới cả về nội dung hoạt động KHKT cũng như về cơ chế quản lý KHKT; góp phần thúc đẩy việc thực hiện có kết quả các mục tiêu của Đại hội 6 đề ra cho những năm còn lại của kế hoạch năm nay.

Trong cơ cấu hoạt động KHKT phải chuyển mạnh sang những tác động trực tiếp và thiết thực vào các khâu công nghệ của sản xuất. Bên cạnh việc đưa các kết quả nghiên cứu đã chín muồi từ các phòng thí nghiệm của ta vào sản xuất, cần nhanh chóng tận dụng những cơ hội mở ra do luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, pháp lệnh về chuyển giao công nghệ và pháp lệnh về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp để sử dụng ngay các công nghệ nước ngoài nhập nội, phát huy tới mức cao nhất tác dụng của nó, thích nghi với điều kiện nước ta và phổ cập rộng rãi trong toàn nền KTQD. Đó là cách làm thực tế và nhanh mang lại hiệu quả cho việc giải quyết các yêu cầu KHKT phục vụ ba chương trình kinh tế lớn.

Về cơ chế quản lý KHKT phải quán triệt cách tiếp cận chi phí hiệu quả, áp dụng các

hình thức hạch toán cần thiết, tăng cường gắn nghĩa vụ với quyền lợi để tạo thành động lực mạnh mẽ cho sáng tạo KHKT. Đó cũng là yêu cầu của nền kinh tế sản xuất hàng hóa đặt ra cho hoạt động KHKT. Sản phẩm của hoạt động KHKT trong chừng mực nhất định, được xem như hàng hóa và quá trình tạo ra loại hàng hóa đặc biệt đó cũng phải được cư xử một cách bình đẳng và, hơn thế nữa, phải được chú trọng hơn so với những loại hình lao động xã hội khác.

Theo tinh thần đó trong hai năm 1989—1990 cần tập trung làm tốt những nhiệm vụ chính của khoa học và kỹ thuật sau đây:

1. ĐỔI MỚI NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG ĐỀ KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT LÀ CÔNG CỤ THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ BA CHƯƠNG TRÌNH KINH TẾ LỚN CỦA ĐẢNG

Để thực hiện thành công các mục tiêu của ba chương trình kinh tế, trong thời gian ngắn ngủi còn lại về mặt KHKT đòi hỏi phải hết sức coi trọng kết quả cuối cùng, đó là những công nghệ cụ thể làm ra sản phẩm, dịch vụ. Để có được các công nghệ đó, không cho phép chúng ta làm bằng mọi giá, mà

phải chọn cách thiết thực và kinh tế nhất.

Lực lượng khoa học và kỹ thuật chúng ta phải nhanh chóng làm chủ, thích nghi và nhân rộng các hệ thống công nghệ đã nhập nội qua các công trình đầu tư nước ngoài đã và sẽ ký kết, qua các hợp đồng mua công nghệ nước ngoài. Đó là những công nghệ đã hoàn chỉnh, có sẵn, nhanh chóng đem lại hiệu quả so với nhiều con đường khác, sản phẩm của nó trực tiếp phục vụ 3 chương trình.

Đồng thời đưa nhanh các công nghệ mới từ nghiên cứu trong nước vào sản xuất. Dự kiến ngay cuối năm 1989 sẽ kết thúc gần 400 đề tài và lựa chọn, tổ chức áp dụng khoảng 50 kỹ thuật tiến bộ quan trọng nhất do Nhà nước đầu tư. Các kỹ thuật tiến bộ đó hướng vào việc giải quyết những vấn đề cấp bách về lương thực—thực phẩm, tạo nguồn nguyên vật liệu sản xuất các phụ tùng, vật tư thay thế nhập ngoại, nâng cao trình độ kinh tế—kỹ thuật của sản xuất và sản phẩm đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm hàng hóa và nâng cao hiệu quả kinh tế—xã hội, mở ra một số ngành nghề mới giải quyết công việc làm cho người

lao động để tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội, cụ thể là:

1. Đối với chương trình lương thực - thực phẩm.

Tiếp tục nhập nội, lai tạo và áp dụng nhanh vào sản xuất nhiều giống về cây trồng, vật nuôi đạt năng suất cao, ổn định, thích nghi với các vùng sinh thái khác nhau cho phép đổi mới cơ cấu mùa vụ, phát huy hết thế mạnh tiềm năng của từng vùng sinh thái.

— Dưa vào sản xuất các giống lúa chịu hạn chịu chua mặn, chịu úng lụt, các giống ngắn ngày phù hợp với các vùng sinh thái và điều kiện canh tác khó khăn đạt năng suất 40—50 tạ/ha vụ, cá biệt có những vùng sẽ đạt 50—80 tạ/ha vụ. Tập trung đưa một số giống lúa mới chín sớm vào đồng bằng sông Cửu Long để tăng thêm 1 vụ lúa.

— Dưa vào sản xuất các giống ngô mới đạt năng suất bình quân 45—50 tạ/ha, các giống khoai tây đạt năng suất 15—20 tấn/ha, trong đó đặc biệt chú trọng vùng đồng bằng sông Hồng để duy trì vụ Đông thành vụ sản xuất chính, ổn định, đạt năng suất cao.

— Tiếp tục áp dụng các qui trình thâm canh cải tạo đất 2 lúa 1 màu và 2 màu 1 lúa trên một số vùng đất bạc màu, đất đồi, đất cát ven biển v.v. đồng thời kết hợp với việc trồng một số cây lương thực khác như: Cây HV, các giống lúa mì, giống đại mạch v.v... Dựa vào những kết quả điều tra cơ bản và sử dụng tổng hợp các thành tựu khoa học và kỹ thuật chọn lựa cơ cấu mùa vụ thích hợp đạt hiệu quả cao nhất đối với từng vùng sinh thái.

— Trong chăn nuôi và thủy sản phải đẩy mạnh các hình thức chăn nuôi lợn lai kinh tế đạt năng suất cao trên cơ sở nâng cao chất lượng lợn đực giống, xác định các cặp lai để

đạt tỷ lệ nạc cao (trên 45%) phục vụ cho xuất khẩu, áp dụng các công thức lai bỏ thích hợp để tăng sản lượng sữa và thịt, phát triển kỹ thuật nuôi ngỗng, vịt lai, gà công nghiệp đạt năng suất cao, phát triển nuôi artemia làm thức ăn cho ấu trùng tôm, phổ biến rộng rãi phương pháp sản xuất nhanh tôm giống và kỹ thuật nuôi tôm đạt năng suất cao, tiếp tục áp dụng các kỹ thuật nuôi trồng và các biện pháp khai thác thủy hải sản đạt năng suất cao.

Tiếp tục nghiên cứu giải quyết các loại công cụ và máy móc phục vụ nông nghiệp, nhất là công cụ cầm tay, các phương tiện canh tác, thu hoạch, chế biến. Tăng cường áp dụng các giải pháp kỹ thuật nhằm tiết kiệm, chống tổn thất trong bảo quản, vận chuyển và chế biến lương thực - thực phẩm.

2. Đối với chương trình hàng tiêu dùng.

Hoạt động khoa học và kỹ thuật phải tập trung vào việc nghiên cứu sử dụng nguyên vật liệu trong nước bằng cách nắm vững và nhân rộng các công nghệ nhập nội cũng như tạo ra các dây chuyền công nghệ để sản xuất ra nhiều chủng loại mặt hàng mới đạt chất lượng cao.

Áp dụng tổng hợp các biện pháp kỹ thuật về giống, kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, cơ cấu mùa vụ... để đưa năng suất bông trên 1 tấn/ha. Dưa vào sản xuất các giống đậu mới đạt năng suất 30—35 tấn/ha, các giống tằm mới cho năng suất gấp rưỡi so với giống cũ.

Thiết lập rừng kết hợp với kỹ thuật thâm canh và bán thâm canh; qui hoạch các vùng trồng thông bạch dân trắng, bồ đề kết hợp với biện pháp tạo nguồn giống và phòng trừ sâu bệnh để tạo nguồn nguyên

liệu cho 2 Nhà máy giấy Bãi Bằng và Tân Mai. Chế tạo và áp dụng rộng rãi dây chuyền sản xuất giấy địa phương 150 tấn/năm nhằm tận dụng nguyên liệu tại chỗ. Tiến hành đưa vào sản xuất một số loại giấy kỹ thuật như giấy ảnh, giấy các bon, giấy xi măng v.v...

Nghiên cứu khai thác, sử dụng các nguồn nguyên vật liệu địa phương để sản xuất các mặt hàng sành sứ, thủy tinh, mây tre đan v.v... Áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật về chọn lọc, phục tráng, nhân giống, kỹ thuật trồng trọt và chiết xuất các hoạt chất nhằm sản xuất nhiều loại thuốc thông dụng từ nguồn dược liệu trong nước.

3. Đối với chương trình hàng xuất khẩu.

Trước hết tập trung vào việc nâng cao chất lượng và sản lượng nông sản, thủy sản xuất khẩu. Tiếp tục tuyển chọn và nhân nhanh các giống cây trồng vật nuôi xuất khẩu truyền thống đạt năng suất cao, áp dụng các kỹ thuật chế biến tiên tiến đối với cao su, chè, cà phê, đậu đỗ, lạc, rau quả, các sản phẩm từ cây dừa và các cây tính dầu v.v..., chú trọng tới các kỹ thuật tổng hợp về nuôi tôm, rong câu chi vàng, kỹ thuật nuôi lợn, ngỗng, vịt xuất khẩu. Tạo ra và áp dụng nhiều kỹ thuật tiên tiến đối với ngành thủ công và tiểu thủ công nghiệp để có được nhiều mặt hàng xuất khẩu có chất lượng cao, phù hợp với thị hiếu của thị trường các nước.

Nghiên cứu và áp dụng các biện pháp kỹ thuật về bảo quản, vận chuyển và sản xuất bao bì nhằm nâng cao chất lượng các sản phẩm xuất khẩu.

4. Trong lĩnh vực công nghiệp và các ngành khác.

Tập trung giải quyết các vấn đề về nâng cao khả năng sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật

của các ngành, tạo ra nhiều phụ tùng và vật tư thay thế nhập ngoại, nâng cao chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật; nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm; tạo ra nhiều sản phẩm mới, thiết bị và dây chuyền công nghệ mới; tiết kiệm nguyên vật liệu và năng lượng và tạo cơ sở khoa học cho việc mở ra triển vọng khai thác tài nguyên, lao động và phát triển một số ngành nghề mới trong nước.

Dưa vào áp dụng trong sản xuất và đời sống những kết quả KHKT đã được kết luận trong năm qua như: vòng đã kéo dài trực tiếp cao su, thoi dệt cho ngành dệt; sứ cách điện 35 kV, mũi khoan xoay cầu, công nghệ khai thác than bằng các vi chống đặc biệt, gạch chịu lửa kiềm tính dolomimagnesit, thiết bị vận chuyển, bốc dỡ xi măng rời; giá chuyển hướng toa xe lửa, băng kim loại nhiều lớp; công nghệ tách chiết và sử dụng đất hiếm, động cơ Đ33T, máy kéo 9CV; các loại vật liệu như: Polime, copasi, Oxyt Titan, gốm kết cấu mới, sét bentonit cho dung dịch khoan.

Tập trung nghiên cứu và đề xuất các biện pháp ổn định hoạt động của 2 nhà máy thủy điện lớn Hòa Bình và Trị An. Áp dụng các kết quả nghiên cứu để chế tạo các công cụ, dụng cụ lao động, các phụ tùng và chi tiết thay thế, cải tạo và phục hồi các máy móc, trang thiết bị cũ. Đẩy mạnh việc tạo ra và áp dụng các dây chuyền sản xuất với qui mô vừa và nhỏ phù hợp với các địa phương để khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên địa phương; đặc biệt quan tâm tới việc phát triển công nghiệp nông thôn trên cơ sở chuyển giao nhanh các thành tựu KHKT đã đạt được ở trong nước và nhập của nước ngoài để tạo ra nhiều sản phẩm hàng

hóa phục vụ nhu cầu trong nước và cho xuất khẩu.

Tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình điều tra tổng hợp vùng, lãnh thổ; từng bước có kết luận phục vụ cho công tác qui hoạch, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các vùng trong những năm trước mắt và cho giai đoạn 1991 - 1995 trong đó tập trung vào các vùng đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long, vùng Tây Nguyên, vùng Đông Nam Bộ, dải ven biển miền Trung v.v...

Tiếp tục tăng cường và đẩy mạnh công tác nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội nhằm cung cấp các cơ sở khoa học cho việc xây dựng cương lĩnh cách mạng XHCN trong thời kỳ quá độ và chiến lược kinh tế - xã hội ở nước ta, xây dựng các chính sách về kinh tế - xã hội của Nhà nước, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và KHKT theo tinh thần nhanh chóng xóa bỏ cơ chế quan liêu, bao cấp. Nghiên cứu và đề xuất các biện pháp chống lạm phát. Tiếp tục nghiên cứu những vấn đề về lịch sử văn hóa, văn minh tốt đẹp của con người Việt Nam.

Đẩy mạnh công tác xây dựng dự báo và chiến lược phát triển khoa học và kỹ thuật, hoàn thành việc soạn thảo và triển khai thực hiện các chiến lược phát triển một số ngành KHKT quan trọng và mũi nhọn: công nghệ sinh học, điện tử và tin học, vật liệu mới, cơ khí, năng lượng, tài nguyên môi trường... Hoàn thành xây dựng chính sách công nghệ quốc gia và xác định các hướng công nghệ ưu tiên nhập.

Chú trọng tăng cường và dành ưu tiên thích đáng cho việc thực hiện một số nội dung của chương trình tổng hợp tiến bộ KHKT đến năm 2000 của Hội đồng tương trợ kinh tế, sớm có kết luận về khả

năng chuyên môn hóa sản xuất một số sản phẩm cung cấp cho thị trường các nước thành viên của Hội đồng.

Khẩn trương triển khai công tác đánh giá trình độ kinh tế kỹ thuật của sản xuất và sản phẩm để làm cơ sở cho việc đổi mới kỹ thuật và đổi mới công nghệ của sản xuất, đồng thời làm cơ sở cho việc xác định các nội dung của hoạt động khoa học và kỹ thuật thời kỳ 1991 - 1995.

II. ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

Sự đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoa học và kỹ thuật phải xuất phát từ quan điểm cơ bản của Nghị quyết Đại hội 6 là phát triển nền kinh tế hàng hóa XHCN có kế hoạch nhiều thành phần. Từ quan điểm đó, các kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai kỹ thuật được xem như một loại hàng hóa đặc biệt, kế hoạch hoạt động khoa học, kỹ thuật phải xuất phát từ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu của thị trường. Các cơ quan nghiên cứu khoa học và triển khai kỹ thuật, trước hết là đối với các lĩnh vực gần bó trực tiếp với sản xuất hàng hóa và dịch vụ, sẽ từng bước chuyển sang hạch toán kinh doanh. Làm như vậy, chúng ta sẽ tạo nên sự gần bó hữu cơ giữa khoa học, kỹ thuật với kinh tế, và tạo điều kiện cho kinh tế và khoa học, kỹ thuật phát triển mạnh.

1. Trong hai năm 1989 - 1990, hoàn thành việc sắp xếp lại và kiện toàn mạng lưới các cơ quan nghiên cứu - triển khai theo tinh thần chỉ thị 199/CT của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng. Đảm bảo quyền chủ động của các cơ quan nghiên cứu - triển khai. Chuyển một số cơ quan nghiên cứu - triển khai có đủ điều kiện sang hạch

toán kinh doanh và tự trang trải về tài chính; gắn hoạt động của các cơ quan nghiên cứu - triển khai chuyên ngành với các liên hiệp sản xuất hoặc các đơn vị sản xuất, kinh doanh; hình thành và phát triển các liên hiệp khoa học - sản xuất trong một số lĩnh vực cần thiết và có điều kiện, khuyến khích phát triển các hình thức liên kết, liên doanh giữa khoa học với sản xuất và giữa các cơ quan khoa học với nhau, liên kết khoa học - đào tạo - sản xuất, giải thể các cơ quan nghiên cứu - triển khai hoạt động không có hiệu quả; phát triển các tổ chức ứng dụng tiến bộ KHKT, dịch vụ KHKT, thông tin kinh tế - kỹ thuật... để tạo cầu nối rộng rãi và nhanh nhạy giữa KHKT với sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội, trong mọi thành phần kinh tế.

Ban hành điều lệ mẫu của viện nghiên cứu - triển khai hoạt động theo cơ chế mới. Lựa chọn người lãnh đạo khoa học bằng bầu cử dân chủ. Thực hiện cơ chế mới về tuyển chọn, đánh giá cán bộ KHKT. Thực hiện chế độ lương chuyên môn và phụ cấp chức vụ trong các cơ quan khoa học.

2. Tiếp tục thực hiện và hoàn thiện việc đổi mới kế hoạch hóa hoạt động KHKT theo hướng kế hoạch KHKT xuất phát từ yêu cầu đổi mới kỹ thuật và công nghệ, đổi mới và nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của sản xuất, gắn kết kế hoạch hóa và quản lý KHKT với kế hoạch kinh tế - xã hội. Đề xây dựng kế hoạch phải làm tốt công tác thống kê KHKT, đánh giá trình độ kỹ thuật và công nghệ. Phải kết hợp tối ưu việc nghiên cứu triển khai trong nước với hợp tác quốc tế về KHKT và chuyển giao công nghệ từ ngoài vào. Hợp tác quốc tế về KHKT gắn với hợp tác quốc tế về

kinh tế. Thực hiện quản lý kế hoạch có trọng điểm kết hợp với phân cấp quản lý.

Rà xét tiếp hệ thống các chương trình và đề tài nghiên cứu KHKT cấp Nhà nước, xác định một số chương trình, đề tài trọng điểm cần ưu tiên tập trung chỉ đạo; giao các chương trình, đề tài cấp Nhà nước không có tính chất liên ngành hoặc tầm quan trọng chỉ năm gọn trong một ngành cho các bộ, tổng cục chủ trì quản lý và chỉ đạo thực hiện; đình chỉ hoặc loại bỏ các đề tài không có điều kiện thực hiện, không thiết thực hoặc không có hiệu quả. Các đề tài kết thúc phải được thử nghiệm hoặc sản xuất thử và xây dựng được đề án đưa vào sản xuất. Thử nghiệm một số đề tài dưới dạng dự án hoặc đề án kinh tế - kỹ thuật, rút kinh nghiệm và chuẩn bị cho kế hoạch KHKT 1991 - 1995.

Thay đổi cơ bản phương thức giao kế hoạch thực hành cơ chế ký kết hợp đồng, khoán gọn đến sản phẩm cuối cùng, huy động thêm các nguồn vốn của bên thực hiện chương trình và đề tài đề trong một thời gian ngắn nhất tạo ra được các kết quả và sản phẩm khoa học có giá trị phục vụ cho kinh tế - xã hội, đồng thời đề tăng cường hơn nữa trách nhiệm của các cơ quan nghiên cứu khoa học, các nhà khoa học kể cả của cơ quan quản lý khoa học có liên quan và nâng cao hiệu quả của hoạt động khoa học, kỹ thuật.

3. Đề nâng cao hiệu quả của công tác tài chính cho hoạt động KHKT, ngay trong năm 1989 công tác đầu tư tài chính được đổi mới một bước theo hướng:

- Dành một tỷ lệ ngân sách Nhà nước cho các cơ quan chịu trách nhiệm nghiên cứu những vấn đề cơ bản, những vấn đề dài hạn (Viện khoa học Việt Nam, Ủy ban khoa học xã hội, v.v...) để các cơ quan này

chủ động sử dụng hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đã duyệt.

- Quỹ lương và chi phí cho hoạt động bộ máy của các cơ quan nghiên cứu - triển khai cấp theo các nhiệm vụ KHKT được Nhà nước giao. Việc cấp phát, thanh quyết toán tài chính sẽ được tiến hành theo hợp đồng, trong đó lương của cán bộ KHKT cũng như chi phí cho hoạt động bộ máy sẽ được tính vào giá của hợp đồng.

Thực hiện việc thu hồi vốn đầu tư cho các cơ sở KHKT và sử dụng giá trị thu hồi vào việc thực hiện các nhiệm vụ KHKT.

- Huy động các nguồn vốn tự có, vốn nhân rồi trong nhân dân, vốn tín dụng cho phát triển KHKT. Kiến nghị đề Nhà nước có chính sách ưu đãi tín dụng đối với các cơ quan KHKT. Cho phép các cơ quan KHKT được chủ động sử dụng ngoại tệ của mình cho hoạt động KHKT.

Đổi mới cách thức quản lý vốn viện trợ, của các nước hoặc của các tổ chức quốc tế cho KHKT theo hướng tổ chức thi tuyển đề được gọi vốn, thực hiện hạch toán kinh doanh, chịu trách nhiệm về kết quả và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước (như đối với vốn do ngân sách Nhà nước cấp).

4. Công tác hợp tác quốc tế về khoa học và kỹ thuật sẽ tập trung vào việc chuyển giao có hiệu quả các công nghệ, kỹ thuật tiên tiến phù hợp với nước ta, gắn chặt hợp tác quốc tế về KHKT với hợp tác kinh tế và thương mại; đổi mới phương thức hợp tác quốc tế theo hướng tổ chức các dự án đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm.

5. Kiến nghị với Nhà nước đổi mới các chính sách, chế độ đối với cán bộ khoa học cho phép và tạo điều kiện và kỹ thuật theo hướng khuyến khích và trọng dụng tài năng, quan hệ trực tiếp giữa các nhà
(Xem tiếp trang 48)

các trường đại học quân và dân y, các trạm đa liệu tỉnh, các khoa đa liệu bệnh viện tỉnh, các khu điều trị phong thuộc vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ.

Giáo sư Hoàng Đình Cầu, thủ trưởng Bộ y tế đã đến dự và phát biểu tại Hội nghị.

Giáo sư Lê Kinh Duệ, viện trưởng Viện đa liệu, hội trưởng Hội chống phong Việt Nam, phó hội trưởng Hội chống phong quốc tế báo cáo những thành quả của Viện sau 7 năm thành lập, bao gồm các mặt tổ chức mạng lưới, chỉ đạo chuyên môn, đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế. Đến nay cả nước ta đã có 37 trạm đa liệu, 5 bệnh viện đa liệu, 20 khu điều trị phong, 56 khoa và 8 bộ môn đa liệu hoạt động theo sự chỉ đạo chuyên khoa ở trung ương và lồng ghép ở cơ sở. Viện đã xác định được mục tiêu, phương hướng chiến lược và biện pháp

thực hiện đúng dân, tập trung vào 3 trọng tâm của Ngành là bệnh phong, bệnh hoả liễu và bệnh da phổ biến. Riêng bệnh phong, với phương hướng chiến lược là TTPTV, lấy điều trị tại nhà là chủ yếu, bắt đầu từ những vùng có khả năng tiến hành trước rồi dần dần lan rộng trong cả nước nên đã thu được kết quả đáng khuyến khích. Hiện nay về qui mô toàn tỉnh có 3, qui mô huyện có 26, qui mô toàn xã có 940 với 10808 bệnh nhân được thực hiện kỹ thuật điều trị mới (đa hóa trị liệu kết hợp vật lý trị liệu) và 30 000 bệnh nhân được điều trị tại nhà bằng đơn hóa DDT.

Hội nghị đã nghe báo cáo kinh nghiệm của xã Lê Bình huyện Ninh Thanh, tỉnh Hải Hưng là một mô hình xã thanh toán phong.

Nguyễn Chân Giác

(Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước)

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU...

(Tiếp theo trang 4)

khoa học với nước ngoài, cải tiến chế độ lương thực và trợ cấp cho cán bộ KHKT, khuyến khích cán bộ KHKT tăng thu nhập bằng hoạt động KHKT của mình, không hạn chế mức thu nhập tối đa. Sớm ban hành các chế độ, chính sách thích hợp để huy động lực lượng KHKT đóng góp tích cực cho xã hội, khắc phục tình trạng lãng phí chất xám hiện nay.

★

Bên cạnh những mặt công tác trên đây phải chú trọng xây dựng các hệ bảo đảm cho hoạt động phát triển và chuyển giao công nghệ. Cụ thể là:

1. Công tác thông tin khoa học và kỹ thuật cần được đẩy mạnh phục vụ có hiệu quả 3 chương trình kinh tế lớn, các chương trình tiến bộ KHKT, các đề tài SEV, đặc biệt là thông tin phục vụ cho công tác

chuyên giao công nghệ; đặc biệt chú ý tới việc thông tin các thành tựu KHKT đã đạt được trong sản xuất và đời sống; thương phẩm hóa sản phẩm thông tin.

2. Công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm hàng hóa phải được tăng cường và có những đổi mới quan trọng; bằng mọi hình thức cần biên soạn đầy đủ các tiêu chuẩn cho các sản phẩm chủ yếu của nền kinh tế quốc dân phục vụ cho 5 thành phần kinh tế phát triển. Tăng cường trang bị phương tiện đo và công tác kiểm định, đẩy mạnh việc sản xuất và chế thử các phương tiện đo phục vụ cho sản xuất và lưu thông phân phối, thực hiện đăng ký chất lượng sản phẩm của tất cả các thành phần kinh tế trong cả nước, tăng cường thanh tra chất lượng sản phẩm. Tiếp tục

triển khai thực hiện chỉ thị 222/CP và chỉ thị 207—HDBT của Hội đồng bộ trưởng.

3. Công tác đào tạo cán bộ KHKT cần tập trung theo các hướng mũi nhọn, chú trọng đào tạo những cán bộ giỏi về công nghệ, những ngành KHKT quan trọng còn thiếu các bộ đầu dân. Nghiên cứu đề xuất các chế độ chính sách nhằm huy động sự đóng góp to lớn của đội ngũ cán bộ KHKT cho kinh tế—xã hội, khắc phục tình trạng lãng phí chất xám rất lớn hiện nay.

4. Đẩy mạnh các hoạt động về sở hữu công nghiệp, tăng cường công tác đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp cho các đơn vị sản xuất kinh doanh; công tác sở hữu công nghiệp cần hướng vào phục vụ tốt cho việc chuyển giao công nghệ vào nước ta.